

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HS-ST

Ngày: 05/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Phương Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN KIM Đ, sinh năm 1991 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT và cư trú: Khu 2, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim C1 và bà Trần Thị C2; vợ là Nguyễn Thị Thu C3, bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* đều vắng mặt.

- Anh Trần Hà T1, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu 1, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu 8, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Dương Văn T3, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu 1, thị trấn L, huyện G,

tỉnh Hải Dương.

- Anh Tăng Hữu T4, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu 2, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lê Hữu T5, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 13/43, phố CN, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Vũ Khắc T6, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn CL, xã K, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Trần Khoa T7, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu 2, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đỗ Mạnh T8, sinh năm 1990, địa chỉ: Khu 3, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Phùng Khắc T9, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu 4, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đoàn Văn T10, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn PX, xã Y, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Đức T11, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu dân cư Z, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đỗ Mạnh T12, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu 4, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đỗ Phương T13, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu 2, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2020 đến ngày 19/10/2022, Nguyễn Kim Đ thực hiện việc cho vay tín chấp đối với những người có nhu cầu vay tiền. Quá trình hoạt động cho vay, Đ mua tài khoản website: <https://mecash.vn> của Công ty cổ phần tập đoàn T, mở tài khoản đăng nhập bằng số điện thoại 0973939xxx của Đ, mật khẩu là 0973939xxx để quản lý các khoản cho vay, người vay tiền, số tiền vay, mức lãi suất vay, tiền lãi theo kỳ, ngày đóng lãi, tình trạng hợp đồng vay lãi, tổng số tiền lãi thu được đối với mỗi khoản vay,... Khi khách đến vay tiền thì Đ yêu cầu người vay cung cấp thông tin cá nhân, số tiền khách vay để nhập vào tài khoản quản lý tiền vay và thỏa thuận miệng tiền lãi suất. Tiến hành kiểm tra tài khoản trên của Đ chỉ có thông tin, dữ liệu trên ứng dụng quản lý trên Websile. Quá trình điều tra xác định được 28 khoản vay giữa Đ thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với lãi suất từ 109,5%/năm, 146%/năm, 182,5%/năm, 219%/năm với

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

1. Trần Hà T1.

- Từ ngày 14/11/2021 đến ngày 13/3/2022, anh T1 vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 7.200.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 5.884.932 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 1.315.068 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-263).

- Từ ngày 08/12/2021 đến ngày 01/7/2022, anh T1 vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 8.460.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 6.914.795 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 1.545.205 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-272).

- Từ ngày 16/01/2022 đến ngày 15/4/2022, anh T1 vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 5.400.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 4.413.699 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 986.301 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-287).

Ở 03 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 21.060.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 17.213.426 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 3.846.574 đồng.

2. Phạm Thị T2 (khoản vay có mã hợp đồng TC-158)

- Từ ngày 22/4/2021 đến ngày 27/4/2022, chị T2 vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 22.260.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 18.194.247 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 4.065.753 đồng.

- Từ ngày 28/4/2022 đến ngày 05/5/2022, chị T2 vay của Đ số tiền 15.000.000 đồng (ngày 27/4/2022 chị T2 trả trước 5.000.000 đồng tiền gốc) với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 360.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 294.247 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 65.753 đồng.

- Từ ngày 05/5/2022 đến ngày 12/7/2022, chị T2 vay của Đ số tiền 2.000.000 đồng (ngày 05/5/2022 chị T2 tiếp tục trả thêm 13.000.000 đồng tiền gốc) với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 408.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 333.479 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 74.521 đồng.

Ở 03 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 23.028.000 đồng, tổng số tiền thu

lợi bất chính là 18.821.975 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 4.206.027 đồng.

3. Dương Văn T3

- Từ ngày 30/01/2021 đến ngày 28/02/2022, anh T3 vay của Đ số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 35.550.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 29.056.849 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 6.493.151 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-125).

4. Tăng Hữu T4

- Từ ngày 12/7/2022 đến ngày 28/7/2022, anh T4 vay Đ số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 2.550.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 2.270.548 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 279.452 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-338).

- Từ ngày 25/01/2022 đến ngày 04/3/2022, anh T4 vay Đ số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 5.850.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 5.208.904 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 641.096 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-292).

Ở 02 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 8.400.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 7.479.452 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 920.548 đồng.

5. Lê Hữu T5

- Từ ngày 07/3/2022 đến ngày 06/4/2022, anh Lê Hữu T5 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 930.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 760.137 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 169.863 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-310).

- Từ ngày 04/01/2022 đến ngày 11/2/2022, anh Lê Hữu T5 vay Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 2.340.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 1.912.603 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 427.397 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-284).

- Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 30/12/2021, anh Lê Hữu T5 vay Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 1.080.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 882.740 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là

197.260 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-274).

- Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 30/11/2021, anh Lê Hữu T5 vay Đ số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 585.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 478.151 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 106.849 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-266).

- Từ ngày 12/10/2021 đến ngày 29/10/2021, anh Lê Hữu T5 vay Đ số tiền 12.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 648.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 529.644 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 118.356 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-247).

- Từ ngày 22/9/2021 đến ngày 22/10/2021, anh Lê Hữu T5 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 930.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 760.137 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 169.863 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-240).

Ở 06 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 6.513.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.313.412 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 1.189.588 đồng.

6. Vũ Khắc T6

- Từ ngày 30/10/2021 đến ngày 22/3/2022, anh T6 vay Đ số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 3.600.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 3.205.479 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 394.521 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-255).

- Từ ngày 11/10/2021 đến ngày 24/02/2022, anh T6 vay Đ số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 3.425.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 3.049.658 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 375.342 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-246).

Ở 02 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 7.025.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.255.137 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 769.863 đồng.

7. Trần Khoa T7

- Từ ngày 21/4/2022 đến ngày 23/5/2022, anh T7 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 1.650.000 đồng, Đ thu

lợi bất chính số tiền 1.469.178 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 180.822 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-319).

- Từ ngày 25/6/2020 đến ngày 11/6/2021, anh T7 vay Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 35.200.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 31.342.466 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 3.857.534 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-17).

- Từ ngày 27/10/2021 đến ngày 25/01/2022, anh T7 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 4.550.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 4.051.370 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 498.630 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-253).

Ở 03 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 41.400.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 36.863.014 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 4.536.986 đồng.

8. Đỗ Mạnh T8

- Từ ngày 02/10/2021 đến ngày 23/10/2021, anh T8 vay Đ số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 1.650.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 1.469.178 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 180.822 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-243).

- Từ ngày 21/9/2021 đến ngày 23/10/2021, anh T8 vay Đ số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 3.300.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 2.938.356 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 316.644 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-239).

- Từ ngày 30/8/2021 đến ngày 23/10/2021, anh T8 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 2.750.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 2.448.630 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 301.397 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-220).

Ở 03 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 7.700.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.856.164 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 798.863 đồng.

9. Phùng Khắc T9

- Từ ngày 20/6/2021 đến ngày 19/10/2021, anh T9 vay Đ số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với

mức lãi suất là 146%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 2.440.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 2.105.753 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 334.247 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-184).

10. Đoàn Văn T10 (khoản vay có mã hợp đồng TC-150)

- Từ ngày 29/3/2021 đến ngày 12/5/2021, anh T10 vay của Đ số tiền 3.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 675.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 601.027 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 73.973 đồng.

- Từ ngày 13/5/2021 đến ngày 26/11/2021, anh T10 vay của Đ số tiền gốc 3.000.000 đồng nêu trên nhưng với mức lãi 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (điều chỉnh tăng lãi suất từ 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày lên 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), tương ứng với mức lãi suất là 219%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 3.564.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 3.238.521 đồng, tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 325.479 đồng.

Ở 02 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 4.239.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.839.548 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 399.425 đồng.

11. Nguyễn Đức T11

- Từ ngày 18/01/2021 đến ngày 28/02/2022, anh T11 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 20.350.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 18.119.863 đồng, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 2.230.137 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-129).

- Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 03/01/2022, anh T11 vay của Đ số tiền 1.500.000 đồng với mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã đóng là 352.500 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 313.870 đồng, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 38.630 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-270).

Ở 02 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 20.702.500 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 18.433.733 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 2.268.767 đồng.

12. Đỗ Mạnh T12

- Từ ngày 26/6/2020 đến ngày 03/6/2021, anh T12 vay Đ số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 146%/năm, tổng số tiền lãi đã là 41.160.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 35.521.644 đồng, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là

5.638.356 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-18).

13. Đỗ Phương T13

- Từ ngày 13/5/2022 đến ngày 14/7/2022, anh T13 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã trả là 3.150.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 2.804.795 đồng, số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 345.205 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-325).

- Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 04/01/2022, anh T13 vay Đ số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất là 182,5%/năm, tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 109.589 đồng (khoản vay có mã hợp đồng TC-276).

Ở 02 khoản vay này, tổng số tiền lãi là 4.150.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.695.206 đồng, tổng số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 454.794 đồng.

Như vậy tổng số tiền cho vay 13 người là 421.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu: 182.207.500 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 26.263.835 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 155.943.665 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị T2, anh Tăng Hữu T4, anh Lê Hữu T5, anh Vũ Khắc T6, anh Trần Khoa T7, anh Đỗ Mạnh T8, anh Phùng Khắc T9, anh Đoàn Văn T10, anh Nguyễn Đức T11, anh Đỗ Mạnh T12, anh Đỗ Phương T13 đều tự nguyện cho Đ số tiền lãi đã đóng cho Đ, không yêu cầu Đ phải hoàn trả. Anh Trần Hà T1 yêu cầu Đ trả cho anh số tiền lãi thu lợi bất chính là 21.060.000 đồng, anh Dương Văn T3 yêu cầu Đ trả cho anh số tiền lãi thu lợi bất chính là 35.550.000 đồng. Bị cáo Đ đã trả cho anh T1 và anh T3 số tiền trên.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 19/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Kim Đ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kim Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Xử phạt bị cáo Đ từ 11 tháng đến 13 tháng tù cho hưởng án treo,

thời gian thử thách từ 22 tháng đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đ cho UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đ có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đ 30.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Đ số tiền là 421.500.000 đồng và 26.263.835 đồng, tổng là 447.763.835 đồng (*làm tròn là 447.764.000 đồng*), được trừ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000182 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Bị cáo còn phải nộp số tiền 417.764.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Kim Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2020 đến ngày 19/10/2022, tại nhà ở của Nguyễn Kim Đ ở khu 2, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương Đ đã sử dụng ứng dụng quản lý tiền vay trên tài khoản website: <https://mecash.vn> để cho anh Trần Hà T1, chị Phạm Thị T2, anh Dương Văn T3, anh Tăng Hữu T4, anh Lê Hữu T5, anh Vũ Khắc T6, anh Trần Khoa T7, anh Đỗ Mạnh T8, anh Phùng Khắc T9, anh Đoàn Văn T10, anh Nguyễn Đức T11, anh Đỗ Mạnh T12, anh Đỗ Phương T13 vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 6.000

đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 219%/ năm (gấp 5,475 lần đến 10,95 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền cho vay là 421.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu: 182.207.500 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 26.263.835 đồng, Đ thu lợi bất chính số tiền 155.943.665 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ đã cho anh Trần Khoa T7 vay tiền thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng và cho anh Đỗ Mạnh T12 vay tiền thu lợi bất chính là 30.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã trả lại một phần tiền thu lợi bất chính cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T1 (21.060.000 đồng), anh T3 (35.550.000 đồng), bị cáo được Ban chấp hành đoàn TNCS Hồ Chí Minh thị trấn L, huyện G chứng nhận đã tham gia ủng hộ chương trình “Mái ấm Đội viên” năm học 2021-2022, bị cáo đã nộp 30.000.000 đồng tiền tích thu sung quỹ Nhà nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và và ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là 03 tình tiết, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[5] Về các biện pháp tư pháp: Tổng số tiền bị cáo Đ sử dụng để cho 13 người vay lãi nặng là 421.500.000 đồng nên cần tịch thu số tiền này của bị cáo. Về số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 26.263.835 đồng, bị cáo Đ đã thu của người vay tiền; đây là số tiền bị cáo có được từ việc phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo. Bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng nên được trừ vào số tiền tịch thu sung quỹ. Về số tiền thu lợi bất chính là tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 155.943.665 đồng, bị cáo Đ thu được của người vay tiền. Anh T1 yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 21.060.000 đồng, anh T3 yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 35.550.000 đồng (*ngày 22/3/2023 bị cáo đã trả xong cho anh T1 và anh T3*), ngoài ra những người liên quan khác đều không yêu cầu bị cáo hoàn trả mà xác định cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[7] Ngoài hành vi trên, bị cáo Đ còn cho một số người khác vay tiền cụ thể: Anh Trần Hà T1- sinh năm 1985 trú tại: khu 1, thị trấn L, huyện G 02 lượt vay, anh Bùi Hải T14 - sinh năm 1992 trú tại: khu 2, thị trấn L, huyện G 02 lượt vay với mức lãi suất từ 1.000đồng/triệu/1 ngày đến 2.000đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng với mức lãi suất là 36,5% và 73%/năm cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm. Tổng số tiền cho vay là 52.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 5.736.100 đồng, tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là 3.343.064 đồng. Những lần vay trên Đ thu lợi bất chính từng lần cho vay đều dưới 30.000.000 đồng đã kết thúc các hợp đồng, chưa lượt vay nào bị xử phạt vi phạm hành chính. Những lần vay trên đều kết thúc sau ngày 01/01/2022 thời điểm Nghị định 144/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ có hiệu lực. Tính từ thời điểm kết thúc từng lượt vay đến ngày 19/10/2022 bị cơ quan Công an phát hiện vẫn còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã chuyển hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ.

Đối với các trường hợp Đ cho vay với mức lãi suất từ 0 đồng/1 triệu đồng/1 ngày đến dưới 2.740 đồng/1 triệu đồng/ngày ghi tên gồm 39 khoản vay

gồm: tài mấm (khoản vay ký hiệu là TC-11), Tiệp vay (khoản vay ký hiệu là TC- 109), Tiệp em việt (khoản vay ký hiệu là TC- 119), Toàn nguyên kim (khoản vay ký hiệu là TC- 138), Thề sơn boutique (khoản vay ký hiệu là TC- 181, TC -191 và TC- 226), Tuân Việt Cho Phong Yết Kiều Vay (khoản vay ký hiệu là TC- 199), Tuân Tiệp Cho Trung Làng Cuối Vay (khoản vay ký hiệu là TC- 212), Tiệp + Tuân Cho Hiệp Làng Tầng Vay (khoản vay ký hiệu là TC- 215), Tuân + Tiệp cho chú tiệp cạnh nhà ngòi vay (khoản vay ký hiệu là 225), Hải thống nhất (khoản vay ký hiệu là 228), E (khoản vay ký hiệu là TC- 234), Tiệp tuân cho pha lê lợi vay (khoản vay ký hiệu là TC- 260), Tuân tiệp cho tiệp làng cuối vay, Lân long (khoản vay ký hiệu là TC- 271, TC- 282, TC- 286, TC- 299), Tuân + Tiệp cho chú tiệp cạnh nhà ngòi vay (khoản vay ký hiệu là TC- 273), Anh Vũ Càng (TC- 277), L (khoản vay ký hiệu là TC-279), E (khoản vay ký hiệu là TC- 279), Em tiến thống nhất (khoản vay ký hiệu là TC- 280, TC- 285, TC- 288), Tùng quang vay (khoản vay ký hiệu TC- 301), Tuân Tiệp Cho Hưng Chấm Vay (khoản vay ký hiệu là TC- 302), Tuân tiệp cho việt chùa tầng vay (khoản vay ký hiệu là TC- 304), P (khoản vay ký hiệu là TC- 309), Tuân Tiệp Cẩm Giấy Tờ Khách GX (khoản vay ký hiệu là 317), Tuân cho giang vay (khoản vay ký hiệu TC- 318), Tuân Tiệp Cho Trung Làng Cuối Vay (khoản vay ký hiệu là TC- 322), Tuân Tiệp Cho Duy GX (khoản vay ký hiệu là TC- 329), Tuân Tiệp Cho Anh Oai Bán Vịt (khoản vay ký hiệu là TC- 330), Tiệp + Tuân Cho cô mượn làng giỗ (khoản vay ký hiệu là TC- 229), Tuân tiệp cho anh nam quán ngái vay (khoản vay ký hiệu là TC – 241), Tiệp tuân cho linh xóm ao cá vay (khoản vay ký hiệu là TC- 244) và 33 khoản vay từ 2.740 đồng/1 triệu đồng/ngày đến 6.000 đồng/1 triệu đồng/ngày ghi tên gồm: tuyên đức (khoản vay ký hiệu là TC-8), vui mập làng giỗ (khoản vay ký hiệu TC- 49), vui mập (khoản vay ký hiệu TC- 58), trung sửa điện (khoản vay ký hiệu TC- 99, TC- 162, TC- 213, TC- 248), trung đồ điện (khoản vay ký hiệu TC- 146), chung làng giỗ xóm hiếu thọ (ký hiệu TC- 107), chung làng giỗ xóm hiếu thọ (khoản vay ký hiệu TC- 107), chung với hải (chức) (khoản vay ký hiệu TC- 126), vương làng giống (khoản vay ký hiệu TC- 127), nhất dương bảo lãnh (khoản vay ký hiệu TC- 155), long con ông ngòi (khoản vay ký hiệu TC- 157), chung với hải tiến em họ tiến (khoản vay ký hiệu TC- 166), Nổi Làng giuống (khoản vay ký hiệu TC- 177), Việt hưng gia khánh (khoản vay ký hiệu TC- 178), Chung với tiến hải (khoản vay ký hiệu TC- 237), T (khoản vay ký hiệu TC- 249), Hưng làng bung (khoản vay ký hiệu là TC- 267 và TC- 300), Tuấn huế thái giới thiệu (khoản vay ký hiệu TC- 275), Trường Chủ (khoản vay ký hiệu TC- 290 và TC- 294), Hưng Núi Anh Tuân 10tr (khoản vay ký hiệu TC- 295), Khánh Lạc (khoản vay ký hiệu

TC- 305, TC- 311, TC- 331 và TC- 333), Tuyên trảm đầu bếp toàn đồ (khoản vay ký hiệu TC- 307), Mai Tuấn Anh Làng Giỗ (khoản vay ký hiệu TC- 320), Cháu Toàn Đồ Bảo Lãnh Cắm Xe (khoản vay ký hiệu TC- 342). Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người vay nên không có căn cứ để xử lý.

Ngoài ra còn 230 khoản vay không xác định được người vay tiền hoặc các hợp đồng đã hết thời hiệu xử lý hành chính, không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kim Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Kim Đ cho UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đ có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đ 30.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Đ số tiền là 421.500.000 đồng và 26.263.835 đồng, tổng là 447.763.835 đồng (*làm tròn là 447.764.000 đồng*), được trừ số tiền 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại biên lai

thu số AA/2020/0000182 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc. Bị cáo còn phải nộp số tiền 417.764.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Kim Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc;
- Đội THAHS-Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận HSNVCS- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND thị trấn Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh